

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Làng trẻ em SOS Việt Nam

Làng trẻ em SOS Việt Nam triển khai thực hiện 65 chương trình/dự án tại 17 Làng trẻ em SOS cơ sở (LTE SOS cơ sở), 16 Lưu xá thanh niên, 14 trường Mẫu giáo SOS, 10 trường Hermann Gmeiner, 06 chương trình Tăng cường gia đình ở cộng đồng, Trường Trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì và Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam.

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

I. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ CƠ SỞ

1. Làng trẻ em SOS và lưu xá (số liệu tính đến 30/11/2024)

LTE SOS cơ sở đã và đang chăm sóc và nuôi dưỡng 7.075 cháu, trong đó có 2.217 cháu (giảm 651 cháu so với năm 2023) đang được nuôi dưỡng tại các LTE SOS cơ sở và 4.858 cháu rời chương trình. Hiện đang có 181 nhà gia đình đang hoạt động (giảm 41 nhà gia đình), số trẻ trung bình trong một gia đình là 6.3 (Phụ lục 1).

Trẻ em được ưu tiên thực hiện tái đoàn tụ với gia đình gốc vì lợi ích tốt nhất của trẻ. Trong năm 2024, 149 trẻ em đã được thực hiện tái đoàn tụ với gia đình gốc.

1.1. Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em sinh sống tại làng và lưu xá

a) Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em

Trẻ em tại 17 LTE SOS cơ sở được chăm sóc đầy đủ để phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, kỹ năng sống hoà nhập xã hội hướng đến tự chủ rời chương trình hoặc tái đoàn tụ với gia đình gốc.

Các cháu được khám sức khoẻ định kì, điều trị bệnh kịp thời cả về sức khoẻ thể chất và tinh thần; được tham gia bảo hiểm y tế; tổ chức các buổi tập huấn giúp trẻ ứng phó với cảm xúc tiêu cực, quản lý căng thẳng, các Làng mời chuyên gia tâm lý thực hiện tham vấn và hỗ trợ chăm sóc sức khoẻ tinh thần cho trẻ có khó khăn về tâm lý. Trong năm 2024, có 932 lượt trẻ em, thanh niên SOS được tập huấn về kiểm soát cảm xúc, quản lý căng thẳng và tham vấn tâm lý trực tiếp.

Tổ chức các ngày quốc tế thiếu nhi, tết trung thu, tết nguyên đán, duy trì hoạt động của câu lạc bộ trẻ em, thanh niên. Nội dung lồng ghép các chủ đề như tình yêu quê hương đất nước, bảo vệ trẻ em, bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật...

Các làng không để xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn, không chế kịp thời dịch bệnh xảy ra tại các đơn vị (dịch sốt xuất huyết, dịch cúm B ...).

b) Kết quả học tập, rèn luyện của trẻ em (Phụ lục 2)

Tỉ lệ HS tiểu học xếp loại từ đạt trở lên đối với các mặt năng lực, phẩm chất chiếm 99,5% (năm 2023 là 99,2%); HS Trung học cơ sở xếp loại học lực Khá/giỏi chiếm 49,7% (năm 2023 là 43,6%) và xếp loại hạnh kiểm Khá/tốt chiếm 90,9% (năm 2023 là 93,1%); HS Trung học phổ thông xếp loại học lực Khá/giỏi chiếm 71% (năm 2023 là 71%) và xếp loại hạnh kiểm Khá/tốt chiếm 96,6% (năm 2023 là 96,4%); tỉ lệ đỗ tốt nghiệp Trung học phổ thông chiếm 99,42% (năm 2023 là 87,3%).

Các thành tích nổi bật

Tỉ lệ trung bình trẻ em SOS đỗ đại học đạt 48,8%, trong đó Làng Cà Mau, Huế có tỉ lệ đỗ đại học 100%; Làng Đà Lạt đạt tỉ lệ 87% và Pleiku đạt tỉ lệ từ 70%.

Thống kê có 12 lượt học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố và nhiều học sinh giỏi cấp quận/huyện, nhiều giải thi đấu thể dục thể thao và các môn năng khiếu. Riêng Làng trẻ em SOS Thanh Hóa có 03 cháu đạt học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, trong số này, có cháu Nguyễn Thị Hà Lý vinh dự được kết nạp Đảng tại Trường THPT Tô Hiến Thành; Làng Đà Nẵng có 02 cháu học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố.

c) Các hoạt động bổ trợ

Trẻ em được tham gia được tăng cường các kĩ năng mềm, nâng cao sức khỏe, đảm bảo an toàn. Trong năm, có 1.333 lượt trẻ em, thanh niên tham gia các lớp về phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, luật giao thông đường bộ, kĩ năng an toàn trên không gian mạng, bạo lực học đường...; 231 trẻ em tham gia các lớp học bơi và phòng ngừa đuối nước.

Có 640 trẻ em, thanh niên tham gia các câu lạc bộ thể thao, nghệ thuật tổ chức các lớp thể dục, thi đấu thể thao, âm nhạc, hội họa, biểu diễn võ thuật,... nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất, giảm áp lực học tập; 771 trẻ em, thanh niên tham gia các buổi tập huấn về kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông và các lớp về sức khỏe sinh sản tích hợp phòng chống xâm hại tình dục; 267 thanh niên tham gia các lớp kĩ năng quản lý tài chính, các buổi trao đổi, tọa đàm với thanh niên trưởng thành giúp các em chuẩn bị cho giai đoạn tự lập và có nhận thức sâu sắc hơn về thế giới và xã hội bên ngoài.

1.2. Tình hình chung của thanh niên bán tự lập và tự lập

a) Tình hình học đại học, cao đẳng, trung cấp và nghề (chuyên nghiệp)

Hiện có 523 thanh niên đang học đại học, cao đẳng và học nghề. Các LTE SOS thường xuyên nắm bắt nhu cầu và hỗ trợ kịp thời các cháu; đồng thời rèn luyện tính độc lập và tự chủ bản thân cho các cháu. Một số thanh niên đi học xa chưa kịp thích nghi với cuộc sống sinh viên nên có kết quả học tập và rèn luyện chưa tốt, các Làng đã bố trí cán bộ để hỗ trợ các cháu.

d) Công tác giáo dục và định hướng nghề nghiệp

Hoạt động hướng nghiệp được các Làng tổ chức thường xuyên. Đơn vị phối hợp với các Trung tâm hỗ trợ việc làm, các doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể nhằm cung

các kỹ năng cần thiết để các cháu chuẩn bị hành trang, tự tin tham gia thị trường lao động.

Có 58 thanh niên SOS đã được đào tạo và nhận chứng chỉ tin học ICDL - Bộ chứng chỉ kỹ năng sử dụng Công nghệ Thông tin Quốc tế; 504 thanh niên được tập huấn về chủ đề Quyền tham gia của thanh niên và Bảo vệ môi trường; 01 thanh niên Làng trẻ em SOS Đà Lạt được chọn tham dự Diễn đàn trẻ em Đông Nam Á lần thứ 8 tại Lào; 100% trẻ em và thanh niên được tập huấn về quyền trẻ em và chính sách Bảo vệ trẻ em.

b) Bán tự lập, tự lập và việc làm

Hiện nay, số lượng thanh niên đang hưởng chế độ bán tự lập và đang đi làm là 100 thanh niên trong đó có 50% thanh niên làm công việc phù hợp với ngành nghề đã học, 57% thanh niên có mức thu nhập cao hơn mức lương tối thiểu vùng quốc gia. 25 thanh niên đang trong giai đoạn tìm việc làm.

Tính từ tháng 1/2024 tới nay, số lượng thanh niên rời chương trình hoà nhập xã hội tới nay là 511 thanh niên, trong đó 84% thanh niên có việc làm, 71,5% thanh niên có mức thu nhập cao hơn mức lương tối thiểu vùng quốc gia. Số lượng thanh niên tự lập và rời chương trình tích lũy tới nay là 3.129 thanh niên, trong đó có 1.330 thanh niên đã lập gia đình riêng. Nhìn chung, thanh niên sau khi rời chương trình có cuộc sống ổn định và có khả năng tự lập tốt, nhiều thanh niên tiếp tục gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống và quay về hỗ trợ các em nhỏ đang sống trong Làng.

2. Chương trình Tăng cường gia đình (Hỗ trợ ở cộng đồng)

Chương trình được triển khai từ 2005, cung cấp 4 gói hỗ trợ cho các gia đình yếu thế tại cộng đồng gồm: hỗ trợ tài chính, vật chất và điều kiện sống; nâng cao năng lực cho người chăm sóc, trẻ em và cộng đồng; phát triển sinh kế gia đình với mục đích góp phần nâng cao năng lực của người chăm sóc trẻ em; phát triển kinh tế, cải thiện mức sống gia đình, từ đó ngăn ngừa và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bỏ rơi, không được tới trường và giúp trẻ em thực hiện các quyền của mình. Chương trình đang được triển khai tại 7 tỉnh/thành phố (Bến Tre, Cà Mau, Đà Nẵng/Quảng Nam, Lâm Đồng, Nghệ An và Thái Bình).

Tuy nhiên từ 2023 tới nay, chương trình đã tạm dừng do không được phê duyệt văn kiện dự án.

3. Trường Mẫu giáo SOS

Số học sinh (HS) hiện tại là 1.923 cháu (giảm 213 cháu so với năm học trước). Tính đến nay đã có khoảng 48.252 lượt HS theo học tại các trường Mẫu giáo SOS. Số HS trong các năm học gần đây liên tiếp giảm. Số HS là con của các Làng trẻ em SOS 137 cháu (chiếm khoảng 7%), số còn lại là trẻ em đến từ cộng đồng dân cư xung quanh.

Các trường Mẫu giáo SOS tổ chức chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng HS đảm bảo chất lượng, tạo môi trường an toàn và tích cực cho HS học tập và vui chơi.

Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp giáo dục. Chú trọng công tác tự làm đồ dùng dạy học, thiết kế bài giảng bằng các phần mềm máy tính, làm cho giờ giảng sinh động, trực quan, hấp dẫn các bé học tập.

Đảm bảo công tác nuôi dưỡng cho trẻ em; giữ gìn vệ sinh môi trường, dụng cụ ăn uống, đồ dùng, đồ chơi của trẻ, không chế kịp thời dịch bệnh như: sốt xuất huyết, bệnh chân tay miệng, cúm A và B... Đặc biệt, không để xảy ra ngộ độc thức ăn. Xây dựng thực đơn hàng ngày, đảm bảo cân bằng dinh dưỡng cho trẻ em theo độ tuổi. Các trường đều thực hiện chế biến thực phẩm theo quy trình bếp 1 chiều và lưu mẫu thức ăn.

Về cơ bản, các trường đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi phục vụ dạy học. Tuy nhiên, hệ thống các trường mầm non lân cận ngày càng phát triển, được đầu tư cơ sở vật chất mới, hiện đại đang là thách thức lớn đối với các trường MG/MN SOS.

4. Trường Phổ thông Hermann Gmeiner

Sĩ số HS các trường PT Hermann Gmeiner là 12.861 HS (giảm 457 HS so với năm học trước), trong đó 1.194 HS là con các làng (chiếm 9%). Tính đến nay, có khoảng 231.772 lượt HS theo học tại các trường.

Các trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm học; đảm bảo thực hiện đúng quy chế chuyên môn, triển khai đầy đủ nội dung, chương trình dạy học; thực hiện đổi mới nội dung, chương trình và sách giáo khoa mới ở tất cả các khối lớp; đưa thêm nội dung giảng dạy các môn ngoại ngữ (tiếng Anh), tin học, các kỹ năng, các câu lạc bộ, trải nghiệm sáng tạo ...

Tổ chức tự kiểm tra chuyên môn của giáo viên; bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu; tổ chức thi giảng hoặc tham gia các cuộc thi của giáo viên, của HS và đã đạt được một số kết quả nhất định.

Tổng hợp một số thành tích trong dạy học:

- Có 1.649 HS lớp 12, trong đó đỗ tốt nghiệp là: 1.645 HS (đạt 99,8%); đỗ đại học là: 1.172 HS (chiếm 71,3%); học cao đẳng, nghề là: 280 HS (chiếm 17%). 01 học sinh xếp thứ 156 toàn quốc về điểm thi tốt nghiệp (Hà Nội);

- 71 lượt HS giỏi cấp tỉnh/thành phố (Bến Tre, Đà Lạt, Vinh, Nha Trang, Hải Phòng có nhiều HS đạt giải),

- 73 lượt HS đạt giải cấp tỉnh về văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao (Bến Tre, Hà Nội và Vinh có nhiều HS đạt giải).

- Đánh giá, xếp loại cuối năm của HS (Phụ lục 3): Tỷ lệ HS tiểu học xếp loại Đạt các mặt năng lực, phẩm chất và kỹ năng chiếm trên 99%; HS Trung học cơ sở xếp loại học lực Khá/giỏi chiếm 59,5% và xếp loại hạnh kiểm Khá/tốt chiếm 86,8%; HS Trung học phổ thông xếp loại học lực Khá/giỏi chiếm 66,7% và xếp loại hạnh kiểm Khá/tốt chiếm 98,4%.

- Có 138 lượt CB-GV đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở (Bến Tre, Cà Mau, Đà Lạt, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang và Vinh); 26 giáo viên giỏi cấp tỉnh/thành phố (Bến Tre, Cà Mau, Hà Nội và Vinh).

- 02 trường đạt tập thể lao động xuất sắc (Đà Nẵng và Bến Tre); 03 bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh (Bến Tre, Cà Mau, Đà Lạt); 02 cá nhân nhận bằng khen của Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTBXH (Hà Nội và Nha Trang); 01 cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng (Đà Nẵng) và 01 Huân chương lao động Hạng 3 (Đà Nẵng).

5. Cơ sở dạy nghề

5.1. Trường Trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì

Sĩ số HS hiện tại là 438 học sinh (Trung cấp 380 HS, ngắn hạn 58 HS) với 18 lớp học.

Năm 2024, nhà trường được cấp phép đào tạo 02 mã ngành mới là: cơ khí chế tạo và ngành hàn.

Nhà trường tiếp tục liên kết với các doanh nghiệp nhằm phối hợp đào tạo và tạo việc làm cho HS sau khi tốt nghiệp. Theo kết quả đánh giá trên 90% HS có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, một số ít HS sau khi ra trường đã tự mở cơ sở kinh doanh và trở thành chủ doanh nghiệp, trở thành hội trưởng, hội phó các Hội Điện tử - Điện lạnh các huyện. Nhiều doanh nghiệp đã đến trường để tuyển dụng lao động với mức lương trung bình từ 8 đến 13 triệu đồng/tháng và ký cam kết đầu ra cho 100% HS các khóa tiếp theo. Năm 2024 doanh nghiệp phối hợp với Hội Khuyến học Tỉnh trao 15 xuất học bổng trị giá 90.000.000 đồng cho 15 học sinh nghèo, mồ côi của trường.

Kể từ tháng 10/2024, trường đã tự đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động thường xuyên và bố trí đủ kinh phí để tăng lương cho cán bộ, giáo viên.

Đánh giá, xếp loại HS:

Xếp loại học lực từ trung bình trở lên chiếm 86%; xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên chiếm 100%; xếp loại tốt nghiệp khá, giỏi, xuất sắc chiếm 57,5%; trung bình 42,5%; số lượng khảo thí cấp chứng chỉ CNTT quốc tế ICDL 58/58 học viên đạt kết quả cấp chứng chỉ, tỉ lệ đạt 100%.

03 giáo viên đạt giải nhì tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Phú Thọ năm 2024, tập thể trường đạt giải khuyến khích.

6. Học bổng Hermann Gmeiner

09/10 trường tiếp tục triển khai cấp học bổng Hermann Gmeiner cho HS là đối tượng con gia đình hộ nghèo, cận nghèo và khó khăn (trừ trường Đà Lạt). Năm học 2024-2025 đã cấp 542 suất học bổng – 855 triệu đồng (chiếm 4,15%), năm học 2024-2025 đã cấp 483 suất học bổng – 759 triệu đồng (chiếm 5,47%). Tính đến nay đã cấp 14.412 suất học bổng - 32.910.850.000 đồng. Ngoài ra, hàng năm các trường còn có chương trình học bổng Odon Vallet và các loại học bổng khác.

II. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn và điều hành

Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam lập đề án trình Bộ LĐTBXH về chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý hoạt động của hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam để Bộ xem xét trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tham mưu, trình lãnh đạo Bộ văn bản gửi các tỉnh về hỗ trợ kinh phí cho các Làng trẻ em SOS cơ sở, trong bối cảnh Làng trẻ em SOS Quốc tế cắt và giảm kinh phí tài trợ.

Đề xuất và tham mưu chuyên giao trường Tiểu học Hermann Gmeiner Thanh Hóa về địa phương quản lý; giải thể trường Mẫu giáo SOS Nha Trang.

Tham mưu và trình Lãnh đạo Bộ bổ nhiệm lại Giám đốc Quốc gia; trình Chủ tịch Làng trẻ em SOS Việt Nam bổ nhiệm 08 cán bộ quản lý, gồm: Hiệu trưởng Trường PTHG Hải Phòng và Việt Trì; Giám đốc Làng trẻ em SOS Đà Nẵng; 05 vị trí quản lý khác (Phó Hiệu trưởng trường PTHG, Hiệu trưởng MG SOS, Trợ lý GD Làng).

Năm 2024, Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam tiếp nhận gần 1.000 văn bản đến và đã ban hành trên 700 văn bản xin ý kiến chỉ đạo cấp trên; các văn bản hướng dẫn, quản lý và điều hành; văn bản giải quyết và trả lời đơn vị cơ sở. Chất lượng văn bản được đảm bảo, đúng quy định của pháp luật và của Làng trẻ em SOS.

Thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động của 65 chương trình, dự án thuộc hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam.

2. Tình hình tài chính

a) Kinh phí hỗ trợ từ SOS Quốc tế và ngân sách nhà nước

Bình quân mỗi năm (giai đoạn 2022-2024), Làng trẻ em SOS Việt Nam tiếp nhận tài trợ không hoàn lại 5.666.851 USD từ Làng trẻ em SOS Quốc tế. Riêng năm 2024, Làng trẻ em SOS Quốc tế tài trợ 3.108.769 USD, giảm đáng kể so với các năm trước (Phụ lục 3).

b) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách các tỉnh/thành phố cho các Làng SOS

Đến nay, các làng đều được hỗ trợ kinh phí phân chênh lệch hoặc một phần chênh lệch định mức tiền ăn cho trẻ em theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và được cấp tiền tham gia bảo hiểm y tế cho trẻ em. Các Làng Cà Mau, Hải Phòng, Huế, TP. Hồ Chí Minh, Thái Bình, Bến Tre được địa phương vận dụng hỗ trợ phụ cấp đặc thù ngành cho bà mẹ, bà dì và nhân viên chăm sóc trực tiếp cho trẻ 24/7.

Kinh phí cấp cho các làng năm 2022 là 36,75 tỷ đồng; 2023 là 34,66 tỷ đồng; năm 2024 là 35,95 tỷ đồng (tăng 1,29 tỷ đồng so với năm 2023 - phụ lục 4).

c) Kinh phí và hiện vật tài trợ trực tiếp cho các Làng trẻ em SOS

Tổng số tiền mặt tài trợ trực tiếp cho các Làng trẻ em SOS năm 2022 là 4,88 tỷ đồng; 2023 là 5,43 tỷ đồng; năm 2024 là 11,48 tỷ đồng (tăng 6,05 tỷ đồng).

Vận động tài trợ trong nước năm 2022 là 79,74 tỷ đồng; năm 2023 là 69,77 tỷ đồng; năm 2024 là 73,80 tỷ đồng (tăng 4,03 tỷ đồng).

Trị giá quà tặng hiện vật quy đổi tại các đơn vị cơ sở năm 2022 là 12,27 tỷ đồng; năm 2023 là 15,42 tỷ đồng, năm 2024 là 9,8 tỷ đồng (giảm 5,62 tỷ đồng).

(Phụ lục 5a và 5b).

d) Tự đảm bảo kinh phí hoạt động

Tính đến nay, 100% các trường trong hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam tự đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động thường xuyên. Trong đó, Trường Trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì tự đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động kể từ tháng 10/2024.

3. Đỡ đầu quốc tế và truyền thông trong nước

a) Đỡ đầu quốc tế

Phối hợp với các Làng trẻ em SOS cơ sở cung cấp dịch vụ đỡ đầu, bao gồm: Báo cáo cập nhật phát triển và các hoạt động thúc đẩy sự phát triển của từng trẻ em tới những người đỡ đầu cá nhân và tổ chức.

Nâng cao chất lượng dịch vụ đỡ đầu bằng cách ghi lại những hình ảnh, thước phim ngắn kể về cuộc sống, thay đổi tích cực của trẻ em và các hoạt động diễn ra trong Làng trẻ em SOS gửi đến người đỡ đầu. Cùng với hỗ trợ về tài chính, người đỡ đầu còn gửi thư, thiệp và nhiều món quà chan chứa tình cảm như là nguồn động viên, khích lệ để trẻ em phấn đấu trong học tập và rèn luyện bản thân.

Tính đến nay có 3.908 người đỡ đầu quốc tế đến từ 16 quốc gia (giảm 5.909 người so với cùng kỳ năm 2023). Hiện tại, có 1.567 người đỡ đầu đến từ Đức (giảm 1.142 người), 760 người đỡ đầu Đan Mạch (giảm 459 người), 984 người đỡ đầu Thụy Điển (giảm 235 người)...

b) Truyền thông

Công tác truyền thông và phát triển quỹ trong nước được triển khai từ năm 2011. Hình thức vận động tiêu biểu là kêu gọi các nhà đỡ đầu cho nhà gia đình với mức tối thiểu 300.000 đồng/gia đình/tháng, đỡ đầu Làng với mức tối thiểu 500.000 đồng/Làng/tháng và mức đỡ đầu chung tối thiểu là 1.000.000đ/tháng. Hiện hoạt động đang mang lại kết quả nhất định và tiếp tục được duy trì.

Trong năm 2024, Bộ phận FDC tiến hành cập nhật đều đặn các hoạt động của Làng trẻ em SOS Việt Nam trên các kênh thông tin chính thức như website, fanpage, qua đó lan tỏa hình ảnh của tổ chức tới đông đảo công chúng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về những đóng góp của xã hội cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em SOS nhằm hướng tới mục tiêu “Không để trẻ em phải lớn lên một mình”.

Có khoảng 16.000 nhà đỡ đầu thường xuyên, trong đó năm 2024 tìm kiếm mới được 4.951 người đỡ đầu trong nước. Tổng số tiền vận động, quyên góp trong nước năm 2024 đạt xấp xỉ 76 tỷ đồng (năm 2023 được 69,775 tỷ đồng).

Triển khai các kênh phát triển nhà đỡ đầu qua điện thoại; tư vấn trực tiếp tại các quầy thông tin và phát triển đối tác doanh nghiệp. Duy trì đều các hoạt động:

- Chiến dịch quảng cáo trên nền tảng Facebook để chia sẻ và lan tỏa thông tin về Làng trẻ em SOS Việt Nam, qua đó đón nhận sự chung tay, ủng hộ của các nhà hảo tâm trong nước.

- Tiếp cận các nhà tài trợ tại quầy thông tin như “Lì xì yêu thương”, “Gieo hạnh phúc”, “Túi vải tri ân”... Nhóm phát triển nhà đỡ đầu trực tiếp đã bước đầu tiếp cận và tham gia một số hội chợ, sự kiện phù hợp để lan tỏa thêm thông tin về Làng trẻ em SOS Việt Nam.

- Phối hợp, hỗ trợ các đối tác doanh nghiệp tổ chức các sự kiện giáo dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật, chăm sóc y tế, sức khỏe tinh thần... cho trẻ tại các Làng trẻ em SOS cơ sở.

- Triển khai email marketing qua đó tăng hiệu quả tiếp cận tới các nhà đỡ đầu tiềm năng, các nhà đỡ đầu đang hoạt động và các nhà đỡ đầu cũ đã dừng hoạt động thông qua nhiều chiến dịch: Newsletter hàng tháng, thiệp sinh nhật, báo cáo hè, thiệp tết...

4. Công tác nhân sự

Tổng số người lao động tính đến hết 31/12/2024 là 1.493 người (giảm 122 lao động so với cùng kỳ năm 2023), trong đó có 209 bà mẹ bà dì (giảm 73 người), 265 CBNV các Làng trẻ em SOS (giảm 17 người); 730 CBGVNV trường PTHG (giảm 22 người lao động trường Tiểu học HG Thanh Hóa chuyển sang trường công lập); 27 CBGVNV trường Trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì (tăng 03 người); 194 CBGVNV trường Mẫu giáo SOS (giảm 06 người) và 68 CBNV Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam (giảm 07 người).

Chia theo trình độ đào tạo, toàn hệ thống có: 5,3% trên đại học; 60,6% cao đẳng và đại học, 11% trung cấp và 23,1% khác.

Văn phòng đã cung cấp hướng dẫn hệ thống chức danh/vị trí việc làm, mô tả công việc, tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng chức danh/vị trí việc làm, định biên nhân sự xếp lương kể từ 2025 để các Làng Trẻ em SOS cơ sở xây dựng đề xuất dự án Quản lý dựa trên kết quả (RBM) theo định hướng thay đổi cấu trúc chương trình giai đoạn 2025 – 2029. Tuy nhiên, kể từ tháng 4 và tháng 6/2024, SOS Pháp và Quỹ Hermann Gmeiner thông báo cắt, giảm tài trợ cho các Làng Trẻ em SOS tại Việt Nam theo lộ trình 2024-2026, SOS Việt Nam phải tạm dừng triển khai RBM. Để ứng phó với sự cắt, giảm tài trợ của SOS Quốc tế trong khi nguồn vận động từ Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong không bù đắp được khoản kinh phí thiếu hụt, các Làng Trẻ em SOS cơ sở và Văn phòng quốc gia Làng Trẻ em SOS Việt Nam đã phải cắt giảm nhân sự, sắp xếp lại lao động để phù hợp với khả năng cân đối tài chính.

Nhằm đảm bảo sự tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của tổ chức Làng Trẻ em SOS Quốc tế cũng như các yêu cầu tối thiểu của các nhà tài trợ - Hiệp hội thúc đẩy và hỗ trợ (PSA) và thực hiện khuyến nghị Kiểm toán nội bộ, Văn phòng Làng Trẻ em SOS Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn về quy trình tuyển dụng an toàn, quy trình chấm dứt hợp đồng lao động; đảm bảo 100% người lao động ký cam kết thực hiện Quy tắc ứng xử mới; 92% người lao động được tập huấn về Quy tắc ứng xử mới, 86,2% người lao động được tập huấn về Chính sách Chống quấy rối, bóc lột và lạm dụng tình dục (PSHEA); triển khai phần mềm quản lý thông tin nhân sự D365.

5. Công tác thực hiện các chương trình, dự án

Triển khai chương trình mới theo hướng đa dạng phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả. Tập trung vào Chương trình Tăng cường gia đình và Chương trình Chăm sóc thay thế cho trẻ em. Trong năm 2024 đã tổ chức 2 hội thảo về tăng cường năng lực về viết đề xuất dự án và đổi mới phương hướng chương trình. Kết quả là 80 người tham gia nắm được phương hướng và ưu tiên để xác định mục tiêu, kết quả dự án RBM và cách viết đề xuất dự án.

Triển khai dự án Connect SOS nhằm kết nối các cấp, các lĩnh vực chuyên môn vào quá trình xây dựng kế hoạch và dự toán nhanh và hiệu quả. Riêng về mảng xây dựng kế hoạch dự án, đã tổ chức 1 hội thảo tăng cường năng lực giúp 42 cán bộ, nhân viên, giáo viên biết cách sử dụng phần mềm Prodigy để lập số liệu kế hoạch năm 2025.

Đảm bảo an toàn cho trẻ em và tuân thủ chính sách Bảo vệ trẻ em, quản lý và ứng phó các trường hợp xâm hại, bạo lực với trẻ em. Năm 2024, xảy ra 25 vụ việc vi phạm chính sách Bảo vệ trẻ em (5 trường hợp giữa người lớn với trẻ và 20 trường hợp giữa trẻ với trẻ) được báo cáo và giải quyết triệt để qua các kênh khác nhau ở cấp cơ sở, quốc gia và quốc tế. 100% các đơn vị đã hoàn thành việc đánh giá rủi ro về an toàn cho trẻ em và xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro cấp cơ sở. Gần 2.300 em và thanh thiếu niên được tập huấn về chính sách Bảo vệ trẻ em và các chủ đề liên quan. Hơn 700 cán bộ nhân viên, bà mẹ bà dì được tập huấn ít nhất một nội dung liên quan đến chính sách Bảo vệ trẻ em, quy trình báo cáo ứng phó và các cách tiếp cận dựa trên hiểu biết về sang chấn thông qua các chương trình tập huấn cấp quốc gia và cấp cơ sở.

Hợp tác với các đối tác thực hiện các dự án:

(i) Phát triển dự án sinh kế lồng ghép với chương trình FSP tại Thái Bình do Quỹ Lacoste và Công ty May YSS tại Việt Nam tài trợ giai đoạn 2022-2024. Tổng kinh phí đã giải ngân là 126 nghìn EUR, tính tới tháng 12/2024, tổng số người hưởng lợi là 496 người (lũy kế). Năm 2024, 112 trẻ em/thanh niên được tiếp tục sống cùng gia đình/người thân, trong đó 59 em được hỗ trợ bảo hiểm y tế, 112 em được hỗ trợ, 109 em có kiến thức kỹ năng phòng chống đuối nước; 22 gia đình được tiếp cận nguồn lực để phát triển sinh kế và hướng tới tự chủ.

(ii) Triển khai dự án "Tăng cường sức khỏe thể chất phòng ngừa dịch bệnh, phòng chống đuối nước cho trẻ em của Làng trẻ em SOS Đà Lạt" với tổng ngân sách cho 3 năm 2023-2025 là 617,487,282 đồng. 106 trẻ em và thanh niên cải thiện sức

khỏe thể chất (thông qua tiêm chủng phòng cúm và các hoạt động thể chất), 38 em có kiến thức kỹ năng về bơi lội và phòng chống đuối nước.

(iii) 22 thanh niên đã hoàn thành và nhận chứng chỉ học nghề vận hành máy móc, học lái xe, làm bánh, làm tóc, nấu ăn... từ nguồn tài trợ của Freudenberg với tổng kinh phí 441.655.000 đồng; 58 thanh niên SOS được đào tạo và nhận chứng chỉ tin học ICDL (Bộ chứng chỉ kỹ năng sử dụng Công nghệ Thông tin Quốc tế) từ nguồn tài trợ của AkzoNobel với tổng kinh phí 145.000.000 đồng. Nguồn kinh phí còn dư của hai nhà tài trợ Freudenberg và AkzoNobel (118.702.400 đồng) được phân bổ cho 17 LTE SOS cơ sở để hỗ trợ nhu cầu học tập cho thanh niên SOS đang học lớp 11, 12.

(iv) Với sự tài trợ của tập đoàn DHL, 133 thanh niên từ 10 LTE SOS cơ sở đã tham gia toạ đàm hướng nghiệp, 19 thanh niên được đi thăm trụ sở công ty DHL tại Việt Nam, 10 thanh niên tham gia thi viết và thuyết trình cuộc thi Chắp cánh ước mơ.

6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và hội nghị, hội thảo

Tổ chức 11 lớp tập huấn, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế cho 2.976 cán bộ, nhân viên, giáo viên, bà mẹ, bà dì, trong đó:

- 08 lớp trực tiếp và 03 lớp trực tuyến về: định hướng nhân viên mới, quy tắc ứng xử (COC), chống quấy rối tình dục nơi làm việc. Số lượt người tham dự là 2.717 (đạt 91%).

- Mở 4 lớp với các nội dung: định hướng nhân viên mới, nhận diện sang chấn tâm lý trong chăm sóc, giáo dục trẻ em, quy tắc ứng xử và chống quấy rối tình dục nơi làm việc.

7. Công tác quản lý Công nghệ thông tin

Hỗ trợ kỹ thuật, vận hành hệ thống và hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và hoạt động được thông suốt.

Triển khai các dự án: công cụ quản lý, hệ điều hành và ứng dụng; dự án connectSOS; giải pháp bảo mật di động, mã hóa; nâng cấp phần mềm và hệ điều hành; chuẩn hóa công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn tối thiểu toàn cầu.

Đào tạo trực tuyến hàng tháng về bảo mật thông tin, an toàn an ninh mạng, giới thiệu các công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để sử dụng trong công việc cho nhân viên; triển khai chương trình mô phỏng tấn công giả mạo bằng cách gửi thư điện tử lừa đảo tới hòm thư của nhân viên - Phishing simulation;

Hợp tác với các đơn vị, công ty, Doanh nghiệp trong và ngoài nước để triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin cho sự phát triển (ICT4D) như đào tạo Tin học Quốc tế ICDL, giờ lập trình, khóa đào tạo, ôn thi trực tuyến, v.v. cho trẻ, thanh niên, bà mẹ, bà dì và nhân viên của Làng trẻ SOS Việt Nam.

8. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng

Năm 2024 là năm bị cắt giảm nhiều về kinh phí dẫn công tác duy tu, bảo dưỡng bị ảnh hưởng nên cần cân nhắc sự cấp thiết và ưu tiên sửa chữa đối với một số hạng mục công trình.

Thực hiện phương châm: “bền vững, hòa nhập, đảm bảo chất lượng và công năng sử dụng tối ưu” trên cơ sở nguồn lực tài chính được cấp. Bên cạnh đó, các dự án phát triển xanh luôn được ưu tiên và phổ biến rộng rãi trong hệ thống các đơn vị cơ sở.

Tư vấn và hướng dẫn các đơn vị thực hiện kịp thời công tác sửa chữa cơ sở vật chất theo đúng các quy định liên quan, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả. Báo cáo tiến độ công trình bằng hình ảnh đã được đưa vào như là một điều kiện tất yếu trong quá trình thực hiện dự án.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

1.1. Mô hình nuôi dưỡng trẻ em mồ côi gia đình thay thế của Làng trẻ em SOS được đánh giá cao đáp ứng các nhu cầu phát triển toàn diện cho trẻ và phù hợp với truyền thống văn hóa của Việt Nam.

1.2. Vận động, quyên góp trong nước vượt chỉ tiêu đề ra.

1.3. Các trường trong hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam đều đã tự đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động thường xuyên.

1.4. Trẻ em, thanh niên SOS có ý thức phấn đấu, rèn luyện tốt, chấp hành tốt các nội quy, quy định. Chất lượng học tập và rèn luyện chung của HS đạt yêu cầu.

1.5. Đội ngũ CBNVGV và bà mẹ/bà dì luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ, quan tâm, chăm sóc nuôi dạy trẻ em/thanh niên SOS.

1.6. SOS Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ LĐTBXH, của Trưởng Ban chỉ đạo; hỗ trợ và phối hợp thực hiện của các thành viên Ban chỉ đạo Làng trẻ em SOS Việt Nam; quan tâm, phối hợp thực hiện và cấp kinh phí ở các địa phương, kinh phí của tổ chức SOS quốc tế, của các nhà hảo tâm, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Khó khăn, tồn tại

2.1. Loại hình của hệ thống SOS Việt Nam cần được xác định sớm (Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam sẽ là đơn vị sự nghiệp công lập hay là một tổ chức ngoài công lập; hệ thống các trường học là trường công lập hay là trường tư thục; Làng trẻ em SOS cơ sở là đơn vị sự nghiệp công lập hay là ngoài công lập).

2.2. Việc cắt, giảm tài trợ kinh phí của SOS Quốc tế năm 2024 và các năm tiếp theo; giảm quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em SOS; cắt giảm biên chế người lao động làm ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động chung của toàn hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam.

2.3. Một số trẻ sau khi được tiếp nhận vào Làng trẻ em SOS có vấn đề về sức khỏe tâm thần nhưng chưa đủ điều kiện để chuyển sang cơ sở trợ giúp XH chuyên biệt, gây ảnh hưởng và khó khăn đến chăm sóc giáo dục các anh, chị em khác trong nhà gia đình, ở Làng.

2.4. Cơ sở vật chất của Làng và Trường sau 20 - 30 năm hoạt động đã xuống cấp, cần kinh phí lớn để cải tạo, sửa chữa.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025 VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Định hướng đến năm 2030 của Làng trẻ em SOS Quốc tế đề ra 2 mục tiêu:

Thứ nhất: Làng trẻ em SOS đảm bảo thêm nhiều trẻ em có “Mái ấm yêu thương” và có cơ hội bình đẳng để thành công trong cuộc sống.

Thứ hai: Làng trẻ em SOS đi đầu trong bảo vệ, chăm sóc trẻ em hiệu quả đảm bảo “Không trẻ em nào phải lớn lên một mình”.

Để đạt được 2 mục tiêu này vào năm 2030, Làng trẻ em SOS Quốc tế đề ra 7 chiến lược bao gồm:

1. Đổi mới về chăm sóc thay thế: Nâng cao chất lượng chăm sóc thay thế ở tất cả các chương trình Làng trẻ em SOS.

2. Tăng cường hỗ trợ gia đình: Tập trung ngăn ngừa tình trạng ly tán gia đình (hỗ trợ cả ngắn hạn và dài hạn), hỗ trợ các gia đình bị ảnh hưởng bởi các tình huống khẩn cấp và trẻ em không nơi nương tựa.

3. Tăng cường hỗ trợ, đào tạo cho thanh niên SOS: Tăng cường chăm sóc và khả năng tìm việc làm cho thanh niên, chú trọng công tác chăm sóc và tư vấn, giúp các em thành công hơn trong cuộc sống.

4. Vận động, tuyên truyền cho trẻ em: Tạo cơ hội cho trẻ em thuộc nhóm mục tiêu có tiếng nói và tăng cường sự tác động của vận động, tuyên truyền.

5. Tạo lập phong trào: Làng trẻ em SOS đi đầu trong bảo vệ, chăm sóc trẻ em đảm bảo “Không trẻ em nào phải lớn lên một mình” và huy động mọi người thực hiện chăm sóc trẻ em đảm bảo chất lượng trên khắp thế giới.

6. Tinh giản hóa Làng trẻ em SOS: Làng trẻ em SOS thành tổ chức tinh giản hơn và hoạt động hiệu quả hơn, tích hợp mạnh mẽ công nghệ vào các mô hình hoạt động chương trình.

7. Đầu tư để tăng trưởng quỹ: Tăng cường công tác truyền thông, đa dạng hóa các kênh gây quỹ trong nước, tăng cường nguồn ngân sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và địa phương;

Dựa trên định hướng Chiến lược 2030, Làng trẻ em SOS Việt Nam đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong năm 2025 như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Dự thảo Hiệp định hợp tác mới thay thế Hiệp định 1987.

2. Thống nhất với UBND một số tỉnh/thành phố về bàn giao/tiếp nhận Làng trẻ em SOS có sở trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Chuyển đổi loại hình các trường Phổ thông Hermann Gmeiner sang loại hình công lập hoặc tư thục, hoàn thành trước ngày 30/6/2025.

4. Đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho trẻ em, thanh thiếu niên, người lao động và tài sản.

5. Triển khai phần mềm D365 cho Nhân sự - Tài chính – Đối tượng hưởng lợi (Chương trình/dự án) và hợp nhất với hệ thống trực tuyến SOS connect; Đồng bộ phần mềm quản lý các khoản thu của khối trường thuộc hệ thống SOS.

II. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Mời chuyên gia hiểu biết về hợp tác quốc tế tư vấn dự thảo Hiệp định hợp tác phiên bản mới.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động tài trợ trong nước từ các cá nhân, tổ chức, ngân sách địa phương như cải tiến quy trình tư vấn và chăm sóc người đỡ đầu; Phát triển hoạt động truyền thông kỹ thuật số nhằm tăng cường độ nhận diện thương hiệu của SOS Việt Nam, thu hút người đỡ đầu và phát triển đối tác.

3. Hoàn thiện các quy trình, quy định quản lý nội bộ như: Nội quy lao động, Quy định về khách đến thăm Làng, Sổ tay Hướng dẫn về hoạt động Truyền thông và Phát triển đối tác,...

4. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách bảo vệ trẻ em, thanh niên; chống gian lận, tham nhũng, tiết kiệm và chống lãng phí. Thực hiện kiểm toán nội bộ toàn diện từ 3 - 4 đơn vị.

5. Tiếp tục phổ biến, nâng cao nhận thức cho người lao động về Quy tắc ứng xử; Vấn đề sức khỏe tâm thần đối với trẻ/thanh niên; Hỗ trợ tư vấn và điều trị tâm lý cho trẻ/thanh niên/người chăm sóc; Kỷ luật tích cực; trang bị kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em/thanh niên.

6. Triển khai phần mềm D365 cho Nhân sự - Tài chính – Chương trình/dự án trên cơ sở hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia từ SOS Quốc tế; Đồng bộ phần mềm quản lý các khoản thu của khối trường thuộc hệ thống SOS.

7. Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin như giám sát hệ thống mạng, sao lưu dữ liệu, quản lý thiết bị, giám sát ứng dụng, đường truyền, bảo vệ máy tính,...

8. Rà soát, kiểm tra, đánh giá các công trình, cơ sở vật chất của các đơn vị trước khi tiến hành công tác xây dựng, sửa chữa.

Trên đây là báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam./.

**VĂN PHÒNG
LÀNG TRẺ SOS VIỆT NAM**

Phụ lục 1
Số trẻ bình quân tại các nhà gia đình SOS

Stt	Làng trẻ em SOS	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Bến Tre	7,4	6,8	6,7	7,9	6,5	4,5
2	Cà Mau	7,4	7,7	6,5	5,4	5,2	7,4
3	Đà Nẵng	6,8	6,9	6,6	6,1	5,6	5,0
4	Đà Lạt	6,7	6,9	6,1	6,9	6,1	8,6
5	Điện Biên Phủ	10,2	9,4	9,0	9,3	5,7	7,3
6	Đồng Hới	6,1	6,2	5,8	7,0	7,4	6,1
7	Hải Phòng	7,6	6,9	7,2	7,6	7,1	7,6
8	Hà Nội	6,9	7,4	7,0	6,8	6,5	5,6
9	Gò Vấp	6,4	6,2	5,3	5,6	5,5	4,9
10	Nha Trang	7,6	7,4	6,8	6,4	6,3	4,3
11	Quy Nhơn	7,0	7,2	7,1	7,4	7,3	6,2
12	Thanh Hoá	8,1	8,3	8,3	7,4	6,6	5,8
13	Việt Trì	6,4	7,7	7,5	7,4	6,4	5,5
14	Vinh	8,4	8,4	7,3	7,5	7,5	5,4
15	Pleiku	7,3	8,0	8,7	8,3	7,2	10,2
16	Thái Bình	6,9	6,4	6,2	6,2	6,2	5,1
17	Huế	6,8	6,8	8,4	9,4	8	8,5
	Bình quân	7,3	7,3	7,0	7,2	6,5	6,3

Phụ lục 2a
Tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của trẻ em SOS
(Số liệu tổng kết năm học 2023-2024)

Cấp học	Học lực (tỉ lệ %)				Hành kiểm (tỉ lệ %)			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
THCS	14,7%	34,9%	42,9%	7,5%	64,3%	26,5%	8,0%	1,2%
THPT	28,0%	43,0%	27,2%	1,8%	78,8%	17,7%	3,4%	0,0%
Tiêu học	Xếp loại “Đạt” trở lên các mặt năng lực, phẩm chất chiếm xấp xỉ 99%							

Phụ lục 2b
Tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của HS PT Hermann Gmeiner
(Số liệu tổng kết năm học 2023-2024)

Cấp học	Học lực (tỉ lệ %)				Hành kiểm (tỉ lệ %)			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
THCS	24,1	35,4	39,4	1,1	49,4	37,4	12,8	0,4
THPT	15,0	51,7	33,3		76,0	22,4	1,6	
Tiêu học	Xếp loại “Đạt” trở lên các mặt năng lực, phẩm chất chiếm xấp xỉ 99%							

Phụ lục 3
Kinh phí viện trợ không hoàn lại của Làng trẻ em SOS Quốc tế

Stt	Năm	KINH PHÍ VIỆN TRỢ (USD)
1	2022	9.216.749,65 tương đương 211.862.486.186 đồng
2	2023	4.675.035,21 tương đương 109.181.924.053 đồng
3	2024	3.108.769,12 tương đương 78.452.897.512 đồng

Phụ lục 4
Kinh phí hỗ trợ của các tỉnh/TP từ 2021 đến 2023 cho các Làng trẻ em SOS
ĐVT: Đồng

Stt	Tên dự án	2022	2023	2024
A	Làng SOS	36.748.878.301	34.655.533.435	35.949.390.927
1	Bến Tre	1.688.836.000	2.127.189.200	1.089.736.083
2	Cà Mau	1.895.350.320	1.906.909.000	1.967.361.425
3	Đ. Biên Phủ	1.408.857.204	1.420.160.000	1.673.865.000
4	Đà Lạt	2.105.396.714	594.965.000	793.230.000
5	Đà Nẵng	672.625.000	1.253.306.410	515.090.000
6	Đồng Hới	1.284.635.610	1.302.811.500	1.171.803.000
7	Gò Vấp	6.792.133.662	6.203.491.750	6.912.033.031
8	Hà Nội	2.813.339.602	2.607.547.425	2.988.000.000
9	Hải Phòng	4.537.000.000	4.124.000.000	5.062.400.000
10	Huế	21.900.000	1.103.400.000	1.246.600.000
11	Nha Trang	1.236.519.016	1.282.450.000	1.450.943.870
12	Pleiku	1.545.720.000	1.403.500.000	2.894.200.000
13	Quy Nhơn	557.986.400	1.607.976.950	1.554.770.000
14	Thái Bình	3.102.971.000	1.503.993.500	3.294.499.518
15	Thanh Hóa	2.589.494.250	2.902.400.000	1.527.559.000
16	Việt Trì	1.469.683.523	2.137.150.000	1.087.300.000
17	Vinh	3.026.430.000	1.174.282.700	720.000.000
B	HG	346.060.000		137.660.000
1	Đà Lạt	2.240.000		
2	Đà Nẵng	252.200.000		
3	Nha Trang	45.740.000		65.850.000
4	Thanh Hóa	5.000.000		
5	Việt Trì	40.880.000		71.810.000
C	TC Nghề			
1	Việt Trì			
CỘNG (A+B+C)		37.094.938.301	34.655.533.435	36.087.050.927

Phụ lục 5a
Số tiền mặt tổ chức/cá nhân trong nước tài trợ trực tiếp
cho các Làng trẻ em SOS từ 2020 đến 2023

ĐVT: Đồng

Stt	Tên dự án	2022	2023	2024
A	LÀNG SOS	4.879.367.528	5.427.779.142	11.479.663.326
1	Bến Tre	246.341.800	488.928.000	437.716.000
2	Cà Mau	24.000.000	34.912.000	159.500.000
3	Đà Lạt	300.674.500	147.970.700	214.110.000
4	Đà Nẵng	61.129.000	80.365.800	419.990.400
5	Điện Biên Phủ	102.000.000	23.000.000	216.000.000
6	Đồng Hới	33.000.000	210.113.800	213.100.000
7	Gò Vấp	1.643.108.980	1.236.938.500	2.345.736.639
8	Hà Nội	460.100.000	408.411.323	901.594.000
9	Hải Phòng	12.039.173	159.527.765	2.441.890.985
10	Huế	57.300.000	363.906.000	267.571.000
11	Nha Trang	227.449.500	429.418.000	901.674.482
12	Pleiku	268.549.000	152.700.000	204.086.000
13	Quy Nhơn	536.515.575	458.537.000	517.117.500
14	Thái Bình	358.480.000	381.115.000	1.044.570.320
15	Thanh Hóa	276.900.000	344.799.254	440.700.000
16	Việt Trì	16.000.000	80.136.000	191.991.000
17	Vinh	255.780.000	427.000.000	562.315.000
B	TRƯỜNG HG	769.828.500	193.125.200	399.185.010
1	Bến Tre		6.000.000	
2	Cà Mau			
3	Đà Lạt		180.765.200	221.905.010
4	Đà Nẵng	302.400.000	6.360.000	
5	Gò Vấp			57.780.000
6	Hà Nội			63.500.000
7	Hải Phòng			50.000.000
8	Nha Trang	145.915.000		6.000.000
9	Thanh Hóa			
10	Vinh	321.513.500		
11	Việt Trì			
12	Trung cấp nghề			
C	VP SOS VN	79.742.574.703	69.774.726.484	73.796.237.518
	A+B+C	85.391.770.731	75.395.630.826	85.675.085.854

Phụ lục 5b
Giá trị hiện vật cho các Làng trẻ em SOS quy đổi
ĐVT: Đồng

Stt	Đơn vị	Công trình/quà tặng quy đổi	Lương thực, thực phẩm quy đổi	Tổng cộng
1	Làng trẻ em Bến Tre	63.500.000	191.940.000	255.440.000
2	Làng trẻ em Cà Mau	156.285.000	138.962.400	295.247.400
3	Làng trẻ em Đà Lạt		1.033.152.625	1.033.152.625
4	Làng trẻ em Đà Nẵng	137.924.990	908.559.000	1.046.483.990
5	Làng trẻ em Điện Biên Phủ	20.940.000	297.313.000	318.253.000
6	Làng trẻ em Đồng Hới	115.256.250	160.211.472	275.467.722
7	Làng trẻ em Gò Vấp	125.260.000	1.698.242.500	1.823.502.500
8	Làng trẻ em Hà Nội	193.143.000	648.662.100	841.805.100
9	Làng trẻ em Hải Phòng	219.932.500	432.680.400	652.612.900
10	Làng trẻ em Huế	37.439.000	341.836.140	379.275.140
11	Làng trẻ em Nha Trang	21.890.000	665.719.100	687.609.100
16	Làng trẻ em Pleiku	22.930.000	175.446.000	198.376.000
17	Làng trẻ em Quy Nhơn	74.232.000	340.136.425	414.368.425
12	Làng trẻ em Thái Bình	117.730.000	146.472.000	264.202.000
13	Làng trẻ em Thanh Hoá	11.600.000	626.254.500	637.854.500
14	Làng trẻ em Việt Trì	29.913.000	201.874.880	231.787.880
15	Làng trẻ em Vinh	17.300.000	347.085.000	364.385.000
18	Hermann Gmeiner Hải Phòng	40.228.536		40.228.536
19	Hermann Gmeiner Nha Trang	44.865.200		44.865.200
	Tổng cộng	1.450.369.476	8.354.547.542	9.804.917.018